ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 42 /2016/QĐ-UBND	*Hậu Giang, ngày 22 tháng 11 năm 2016*

SỞ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ T. HG
ĐẾN Số: 2385
Ngày 23/11/2016
Chuyển: KGĐ, P QLKH
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 12 năm 2016.

Quyết định này thay thế Quyết định số 14/2007/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách của tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- VP. Chính phủ (HN, TP.HCM);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy và các Ban Đảng;
- VP. Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP. HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh ;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. VX.G

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42 /2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở (huyện, thị xã, thành phố) có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (gọi tắt là nhiệm vụ KH&CN); định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan có thẩm quyền; quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; thẩm tra công nghệ dự án đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán

1. Các định mức xây dựng dự toán tại Quy định này là định mức áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ KH&CN không có trong quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ;

b) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học;

c) Thành viên;

d) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

2. Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh (Chủ nhiệm nhiệm vụ; thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học, thành viên) phụ thuộc vào nội dung thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng Khoa học và Công nghệ tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua.

3. Đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 6 Quy định này.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục 1
CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO CẤU THÀNH DỰ TOÁN VÀ MỘT SỐ KHUNG ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 5. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tiền công lao động trực tiếp, gồm: tiền công cho các chức danh quy định tại Điều 4 Quy định này; tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:

a) Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

b) Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

c) Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;

d) Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

4. Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

8. Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có).

9. Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 6. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp

a) Cấu trúc thuyết minh phần tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH&CN có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH&CN tại Điểm a Khoản 1 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$\mathbf{Tc = Lcs \times Hstcn \times Snc}$$

Trong đó:

Tc: Dự toán tiền công của chức danh

Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định

Hstcn: Hệ số tiền công ngày của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

Snc: Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN (cấp tỉnh; cấp cơ sở: huyện, thị xã, thành phố)

STT	Chức danh	Hệ số tiền công ngày (Hstcn)		Ghi chú
		Cấp tỉnh	Cấp cơ sở	
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	**0,474**	**0,284**	Số ngày công trực tiếp tham gia thực hiện nội dung công việc được Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN thông qua
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	**0,294**	**0,176**	
3	Thành viên	**0,15**	**0,09**	
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	**0,096**	**0,058**	

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 1, Điều 4 Quy định này.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu.

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc, mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 24.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy định này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 24.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy định này thì:

- Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội

đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy định này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy định này thì:

- Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc (nếu có) theo chế độ, định mức hiện hành và các báo giá liên quan.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc (nếu có) theo chế độ, định mức hiện hành và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH&CN; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

5. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước và Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang Về việc sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Ngoài ra, Quy định này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi hội thảo	900.000	540.000
2	Thư ký hội thảo	Buổi hội thảo	300.000	180.000
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.200.000	720.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	600.000	360.000
5	Thành viên tham gia hội thảo	Buổi hội thảo	120.000	72.000

6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

7. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 3% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 120 triệu đồng/nhiệm vụ KH&CN.

8. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 7. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định.

a) Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên các Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định nhiệm vụ KH&CN (Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN, Tổ thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN);

b) Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng;

c) Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn, thẩm định nội dung, tài chính (Tiền thuê phương tiện đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở nơi đến công tác, cước hành lý...);

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;

đ) Chi thuê dịch vụ KH&CN liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra;

b) Chi họp Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết cần có Hội đồng đánh giá giữa kỳ).

5. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Điều 8. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng KH&CN (cấp tỉnh; cấp cơ sở: huyện, thị xã, thành phố)

a) Chi tiền công

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở	
1	**Chi Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN**				
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng			
	Chủ tịch hội đồng		600.000	360.000	
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		480.000	288.000	
	Thư ký hành chính		180.000	120.000	
	Đại biểu được mời tham dự		120.000	108.000	
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá			
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng		180.000	108.000	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		300.000	180.000	
2	**Chi Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN**				
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng			
	Chủ tịch Hội đồng		900.000	540.000	
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		600.000	360.000	
	Thư ký hành chính		180.000	108.000	
	Đại biểu được mời tham dự		120.000	72.000	
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá			
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng		300.000	180.000	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		420.000	252.000	
3	**Chi Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN**				
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	420.000	252.000	
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	300.000	180.000	
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	180.000	108.000	

	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	120.000	72.000	
4	**Chi Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN**	Nhiệm vụ			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ			
	Chủ tịch hội đồng		900.000	540.000	
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600.000	360.000	
	Thư ký hành chính		180.000	108.000	
	Đại biểu được mời tham dự		120.000	72.000	
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá			
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300.000	180.000	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		420.000	252.000	
5	**Chi Hội đồng tư vấn tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**				
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ			
	Chủ tịch hội đồng		450.000	270.000	
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		300.000	180.000	
	Thư ký hành chính		90.000	54.000	
	Đại biểu được mời tham dự		60.000	36.000	
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá			
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		150.000	90.000	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		210.000	126.000	

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH&CN; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng mức chi của Hội đồng tư vấn tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 Quy định này.

Mục 2
LẬP, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 9. Lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ KH&CN

Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ KH&CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ KH&CN trong năm và định mức chi quy định tại quy định này, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của nhiệm vụ KH&CN để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ

a) Mục tiêu, yêu cầu, nội dung và khối lượng công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN đã được Hội đồng tư vấn thông qua;

b) Các định mức quy định tại Quy định này; các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu

a) Dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các kết quả, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ KH&CN.

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

Điều 11. Thẩm định, phê duyệt, giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí (Tổ thẩm định) của nhiệm vụ KH&CN theo đúng chế độ quy định. Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật của các Bộ, ngành chức năng ban hành thì Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.

2. Căn cứ quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện giao dự toán về cơ quan chủ trì để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 12. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt hoặc tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp.

2. Áp dụng định mức chi Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 của Quy định này để chi cho các hoạt động Hội đồng KH&CN tư vấn thẩm tra công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, các yếu tố kinh tế xã hội có thay đổi thì Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tuấn